

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số: 07/2018/HSST
Ngày: 31/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn A

- Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Hoàng Văn H

2. Ông: Trần Văn L

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Bùi
Nguyên N – Kiểm sát viên VKSND huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Ngày 31/01/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ
An, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công
khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2017/HSST ngày 15/11/2017 đối với các bị
cáo:

1. Hoàng Văn M, sinh ngày 29/9/1988. Tên gọi khác: Không

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 10, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh
Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 08/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Hoàng Văn T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Th sinh năm 1964

Anh, chị em ruột: 04 người, bị cáo là con thứ 01 trong gia đình.

Vợ: Hoàng Thị D, sinh năm 1997

Con: 01 con, 01 tuổi

Tiền án: 02 tiền án

- Ngày 03/12/2010 bị TAND huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 08 tháng tù về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Ngày 11/6/2013 bị TAND huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Ngày 02/11/2016 bị Công an huyện Đô Lương xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2017 cho đến nay tại Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Nghệ An có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn B, sinh ngày 04/10/1992

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 05, xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo

Trình độ học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1962

Con bà: Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1964

Anh, chị em ruột: 06 người, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình.

Vợ, con: Chưa có

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 28/5/2014 bị TAND huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa thực hiện nghĩa vụ nộp án phí theo quyết định của bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2017 cho đến nay tại Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Nghệ An có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 06/8/1995

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 05, xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo

Trình độ học vấn: 07/12. Nghề nghiệp: Làm ruộng

Con ông: Nguyễn Cảnh H, sinh năm 1962

Con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1964

Anh, chị em ruột: 06 người, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình.

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2017 cho đến nay tại Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Nghệ An có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/7/1992

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 24, xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo

Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Nguyễn Đức M, sinh năm 1962

Con bà: Trịnh Thị A, sinh năm 1968

Anh, chị em ruột: 07 người, bị cáo là con thứ 01 trong gia đình.

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2017 cho đến nay tại Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Nghệ An có mặt tại phiên tòa.

5. Phan Văn H, sinh ngày 10/8/1992

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 16, xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo

Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Phan Văn Ng (Đã chết)

Con bà: Lê Thị C, sinh năm 1968

Anh, chị em ruột: 06 người, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình.

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2017 cho đến nay tại Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Nghệ An có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 29/3/1989

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Hòa Thiện, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân

Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1962

Con bà: Trần Thị T, sinh năm 1960

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình

Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1992

Con: có 01 con, 01 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/12/2016 cho đến nay tại xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, có mặt tại phiên tòa.

- Đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Văn T (Đã chết) là ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị P và chị Nguyễn Ngọc M, đều cư trú tại địa chỉ Xóm 05, xã Quang Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị P ủy quyền cho chị Nguyễn Ngọc M tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 20/9/2017. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 07/12/2016 sau khi hñn nhau vớ anh Hoàng H÷u Th Ớó gi¶i quyốtt mƠu thuén nh-ng kh«ng gẾp, Hoàng V"n M cĩng vớ i Nguyễn V"n B, Nguyễn S Ớc T, Nguyễn V"n S, Phan V"n H, Nguyễn V"n Tr, L^a V"n C, Tr-ng V"n D, Th, i Hoàng Tr, TrÇn H÷u A Ơi Ớổn lĩ mæ cĩa «ng Nguyễn XuƠn T. Khi Ơi Ớổn lĩ mæ, M, B vµ Nguyễn V"n Tr Ơi vµo phĩng nghĩ cĩa lĩ mæ gẾp «ng T, cĩn tĩt c¶ ề ngoµi. Sau Ớã M cã trao Ớæi vớ i «ng T vò viỚc cã tin nh½n Ớổn chĩi vµ Ớe dĩa «ng T n÷a kh«ng (Tr-íc Ớã «ng T nhỄn Ớ-íc tin nh½n tĩ sè ỚiỚn tho¹i l¹ Ớe dĩa, chĩi bĩi); «ng T tr¶ lĩi "Khi chiỚu h½n Ớổn mét tin". Do nghi ngē Nguyễn V"n T lµ ng-ēi nh½n tin Ớe dĩa vµ chĩi «ng T n^n M nãi "Dĩ lµm r"ng lĩa Ớ-íc ra khỏi nhµ mụ b½t" th× B nãi Ớó B ỚiỚn tho¹i lĩa Nguyễn V"n T Ơi Ớ, nh b¹c Ớó b½t th× M nhỄt trỹ. Do Nguyễn V"n T kh«ng cã xe n^n B Ớ· nãi vớ i Nguyễn V"n T sĩ cã ng-ēi Ớổn Ớãn. Sau Ớã B×nh gãi S, C, D, Nguyễn S Ớc Tr, H vµo trong phĩng vµ B lĩy hảng phiỚn ra sỏ dōng (Hōng phiến do Thỏi Hoàng Tr đũa cho Nguyễn Văn B). Tham gia sỏ dōng hảng phiỚn cã B, Nguyễn S Ớc T, H, S, cĩn C vµ D do tr-íc Ớã uềng r-ĩu say n^n n»m ngñ. Nguyễn V"n Tr kh«ng sỏ dōng ma tĩy n^n M nãi Tr Ơi ra ngoµi. Trong lóc c, c

Ròi t-îng Rạng sô đông ma tóy th^x M nãi “Cã th^{ng} ni nh⁴n tin chôi nhê mÊy
 Røa Rì b⁴t vò”, sau khi trao Ræi th^x Nguyễn Súc Tr, B, H, S nhÊt trÝ vù cõ S Rì
 xe m_y Rõn Rãn Nguyễn Vⁿ T Rõn Rba Rìóm c[¶] bãn R[·] thềng nhÊt lụ “SÇu RÊt
 Trĩ Sⁿ, cuèi Hiõn Sⁿ” (CÇu Sái). Khi Rì B thóc D vù C dÿy RÓ Rì cĩng nh-ng
 kh«ng bụn b¹c, trao Ræi vò viõc Rì b⁴t Nguyễn Vⁿ T. Nguyễn Vⁿ Tr biõt rã
 viõc B cçm theo hai èng tuýp s⁴t Rì b⁴t Nguyễn Vⁿ T nh-ng Nguyễn Vⁿ Tr
 vÿn Rìòu khiõn xe m_y chë B Rì tr-íc, H cçm mét èng tuýp s⁴t ngãi sau xe m_y
 do D Rìòu khiõn, Nguyễn Súc T cçm theo mét èng tuýp s⁴t ngãi sau xe m_y do
 C Rìòu khiõn vù tÊt c[¶] cĩng Rì chë S chë Nguyễn Vⁿ T Rõn. Họng Vⁿ M ẽ
 l¹i lB mæ nhê Nguyễn Vⁿ X — ng-êi lụm c«ng cho «ng T t^xm hộ giÿy bót,
 môc RÝch RÓ nõu b⁴t R-íc Nguyễn Vⁿ T sĩ b⁴t viõt giÿy thõa nhÿn Nguyễn
 Vⁿ T R[·] nh⁴n tin Rê dĩa vù chôi «ng Nguyễn XuCn T. Sau Rã M nhê anh X chë
 xuềng Rba Rìóm c[¶] bãn R[·] hÿn b⁴t Nguyễn Vⁿ T nh-ng kh«ng nãi rã môc RÝch
 cho anh X biõt.

Khi S chề Nguyễn Văn T ở gần Cột Sỏi thx đồng l1i, ở gần xe vĩa ở s, ng. Thấy B cầm èng tuýp s3t ở l1i thx Nguyễn Văn T nh4y xuềng xe m, y cĩa S, tay cầm dao vĩa hái “Chi rĩa B”, B tr4l l1i” Anh cũ chuyển chi vĩa anh M, anh M nãi bãn em b3t vĩa cũ chi anh th4ng c4m cho em cũy”. Nghe B nãi vĩa, Nguyễn Văn T bá ch1y xuềng ruềng b4n ph4i c4u, B cầm èng tuýp s3t ở u4i theo Nguyễn Văn T; Nguyễn Sợc Tr, S còng ở u4i theo, C vĩa D kh4ng tham gia. S u4i mét ở o1n thx S quay l1i kh4ng ở u4i n÷a, B vĩa T tiểp t4c ở u4i theo nh-ng biểt Nguyễn Văn T cũ dao n4n ở u4i ở - 1c mét ở o1n thx B vĩa Nguyễn Sợc Tr đồng l1i, Nguyễn Văn T hái B “Ai sai chố”, B nãi “Cũ chi sai anh vĩa nãi, ch1y m4n chi”, nghe B nãi Nguyễn Văn T tiểp t4c ch1y ở ở Bm V4p thx B, Nguyễn Sợc Tr tiểp t4c ở u4i theo. Khi ở u4i ở ở gần thx thấy Nguyễn Văn T ở dưới Bàu Vấp d÷ hai tay l4n k4u c4u thx Nguyễn Sợc Tr nh4y xuềng tr- íc, B nh4y xuềng sau, cĩa 4o ph4ng b÷i ra cầm mét ở 4u, mét ở 4u vớt cho Nguyễn Văn T cầm ở ở kđo vĩa bẽ. Qu, tr4nh b÷i ra c4u b4 Nguyễn Văn T cầm tay kđo xuềng, do s1 qu, n4n Nguyễn Sợc Tr giểt tay Nguyễn Văn T ra b÷i vĩa bẽ thx b4 ngẩt; cũn B sau khi nđm 4o cho Nguyễn Văn T cầm ở - 1c thx kđo 4o vĩa kđo lu4n c4 tay B, do s1 h÷i B gĩ tay Nguyễn Văn T ra, b÷i vĩa bẽ và k4u cứu. Nguyễn Văn T ở b4 ngẩt n- íc vĩa ch4m xuềng ở 4y Bm V4p. Nguyễn Sợc Tr ở - 1c anh Nguyễn Thọ Trình, anh Lê Văn Hữu, ông Nguyễn Quang Quế nh4 gần ở ã ra cếp c4u t4nh l1i

vụ ph, t hiõn thãm B n^{an} ®· giao c¶ hai cho c«ng an x· Hiõn S-n. Hoµng Vⁿⁿ M tr^{an} ®-êng nhê X chê xuèng CÇu Sái nhËn ®-îc tin NguyÔn Vⁿⁿ T ®· ch^{1y} tho, t n^{an} quay vò.

S, ng nguy 11/12/2016 quÇn chóng nhÇn dÇn ph, t hiõn NguyÔn Vⁿⁿ T b¶ chÕt d- íi Bµu V^{¼p}.

T¹ⁱ b¶n kÕt luËn gi, m ®¶nh ph, p y sè 16 nguy 10/01/2017 cña Phßng kü thuËt hñnh sù – C«ng an tñnh NghÖ An kÕt luËn: Anh NguyÔn Vⁿⁿ T chÕt do ng^{1t} n- íc vµ b¶ tæ th- ñng ®èt II, I ngãn ba bụn tay ph¶i. Sau ®ã c, c ®òi t- íng ®· ra ®Çu thó.

Sau khi thụ lý vụ án vào ngày 07/8/2017, ngày 21/9/2017 Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ các vấn đề sau:

1. «ng NguyÔn XuÇn T cũ hñnh vi trao ®æi, bụn b^{1c} g× vớ i c, c b¶ can trong viÖc b¶t NguyÔn Vⁿⁿ T hay kh«ng? TiÕn hñnh ®òi chËt gi÷a c, c b¶ can vµ «ng NguyÔn XuÇn T ®Ó lµm lµm râ?

2. Lµm râ c- chỗ hñnh thụn vÕt th- ñng mËt ngoµi khíp, ®èt II, I ngãn ba bụn tay ph¶i cña cña NguyÔn Vⁿⁿ T theo bi^{an} b¶n kh, m nghiÖm hiõn tr-êng vµ tõ thi nguy 11/12/2016 vµ b¶n kÕt luËn gi, m ®¶nh ph, p y vò tõ thi nguy 10/01/2017?

3. Lµm râ hñnh vi cña hai b¶ can NguyÔn Vⁿⁿ B vµ NguyÔn S¸c Tr khi xuèng n- íc (Bµu V^{¼p}) cũ t, c ®éng g× li^{an} quan ®Õn c, i chÕt cña NguyÔn Vⁿⁿ T?

4. Lµm râ cũ hay kh«ng cũ hñnh vi kh«ng cøu gióp ng-êi ®ang ẽ trong tñnh tr^{1ng} nguy hióm ®Õn tñnh m^{1ng} cña c, c b¶ can theo quy ®¶nh t¹ⁱ §iÒu 102 Bê luËt hñnh sù?

5. Lµm râ nguån gèc ma tóy, dông cô sô dông chËt ma tóy ẽ ®Çu; vai trß cña «ng NguyËn XuÇn T trong viÖc c, c ®òi t- íng sô dông tr, i phÐp chËt ma tóy t¹ⁱ n- i thuéc quyÒn qu¶n lý, sô dông cña «ng NguyËn XuÇn T nh- thõ nµo?

6. Bæ sung b¶n thèng k^a tµi liÖu cũ trong hã s- vô , n cña C- quan c¶nh s, t ®iÒu tra c«ng an tñnh NghÖ An kìm theo bi^{an} b¶n giao, nhËn hã s- vô , n gi÷a C- quan c¶nh s, t ®iÒu tra c«ng an tñnh NghÖ An vµ C- quan c¶nh s, t ®iÒu tra c«ng an huyÖn §« L- ñng vµo nguy 06/01/2017?.

Tuy nhiên quá trình điều tra không đủ căn cứ để kết luận ông Nguyễn Xuân T đồng phạm về bắt người trái pháp luật cùng với các bị can khác trong

vụ án. Các hành vi của Nguyễn Văn B, Nguyễn Đức Tr không có tác động gì liên quan đến cái chết của anh Nguyễn Văn T và cũng không có dấu hiệu của tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm của các bị can. Việc các đối tượng sử dụng ma túy trong lò mổ của ông Nguyễn Xuân T là do Thái Hoàng Tr đưa ma túy cho Nguyễn Văn B và B tự chế ra các dụng cụ để sử dụng ma túy mà không xin phép ông T, ông T không biết nên không có căn cứ để xử lý.

Về dân sự: Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường các khoản sau:

*. Khoản 1: Chi phí mai táng

- Thuê người tìm kiếm thi thể nạn nhân: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)
- Mua quan tài: 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)
- Thuê xe tang chở từ Bàu Vấp Hiến Sơn về nghĩa trang: 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng)
- Khăn khâm lượm, bao đựng xác: 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)
- Tiền thuê đào huyệt, chôn cất, tắm rửa, vận chuyển xác, khâm lượm: 10.000.000đ (mười triệu đồng)

Tổng chi phí mai táng 27.700.000đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)

*. Khoản 2: Tiền yêu cầu cấp dưỡng cho các con của người bị hại do tính mạng bị xâm phạm của Nguyễn Văn T khi bị chết ngày 08/12/2016 cho đến lúc các con trưởng thành 18 tuổi gồm các cháu Nguyễn Ngọc T sinh 25/10/2011, cháu Nguyễn Thị Minh A sinh ngày 18/8/2013, cháu Nguyễn Văn S sinh ngày 28/9/2016 một tháng là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng)/01 cháu. Cụ thể:

- Cháu Nguyễn Ngọc T: 13 năm x 21.600.000đ = 280.800.000đ (Hai trăm tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng)

- Cháu Nguyễn Thị Minh A: 15 năm x 21.600.000đ = 324.000.000đ (Ba trăm hai mươi bốn triệu đồng)

- Cháu Nguyễn Văn S: 18 năm x 21.600.000đ = 388.800.000đ (Ba trăm tám mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng)

Tổng yêu cầu bồi thường cho khoản cấp dưỡng là: 992.000.000đ (Chín trăm chín mươi hai triệu đồng)

*. Khoản 3: Tiền đền bù tổn thất về tinh thần cho cha đẻ, mẹ đẻ, vợ và con đẻ: 60 tháng x 1.300.000đ/01 tháng = 78.000.000đ (bảy mươi tám triệu đồng)

* Tổng ba khoản yêu cầu các bị cáo đền bù là: 1.097.700.000đ (Một tỉ không trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng). Cho đến nay gia đình các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại được 165.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng). Số tiền đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bồi thường tiếp 932.700.000đ (Chín trăm ba mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Nếu các bị cáo bồi thường một lần thì đại diện người bị hại chỉ yêu cầu 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)

Bị cáo Hoàng Văn M, Nguyễn Văn B. Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đức Tr, Phan Văn H và Nguyễn Văn Tr nhận tội, đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt và chấp nhận bồi thường dân sự một lần theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của người bị hại là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), ngoài tổng số tiền 165.000.000 đồng các bị cáo đã bồi thường trước khi mở phiên tòa.

Tại phiên xử, ông sẽ 85/VKS-HS ngày 08/11/2017 Viên kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo Hoàng Văn M, Nguyễn Văn B, Nguyễn Đức Tr, Phan Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Tr về tội “Bắt ngạt người khác” theo khoản 3 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- , p đồng khoản 3 Điều 123, khoản b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản g khoản 1 Điều 48 BLHS xử phạt Hoàng Văn M từ 07 – 08 năm tù về tội “Bắt ngạt người khác”

- , p đồng khoản 3 Điều 123, khoản b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản g khoản 1 Điều 48 BLHS xử phạt Nguyễn Văn B từ 06 – 07 năm tù về tội “Bắt ngạt người khác”

- , p đồng khoản 3 Điều 123, khoản b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 05 năm 06 tháng tù - 06 năm tù về tội “Bắt ngạt người khác”

- , p đồng khoản 3 Điều 123, khoản b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt Nguyễn Đức Tr từ 05 năm 06 tháng tù - 06 năm tù về tội “Bắt ngạt người khác”

- , p đồng khoản 3 Điều 123, khoản b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt Phan Văn H từ 04 – 05 năm tù về tội “Bắt ngạt người khác”

- , p đông kho¶n 3 §iòu 123, @iôm b, p, q kho¶n 1, kho¶n 2 §iòu 46, Điều 47, Điều 60 BLHS xã ph¹t Nguyễn Văn Tr tổ 30 đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tói “B½t ng-êi tr, i ph, p luật”

- Về dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận về bồi thường dân sự giữa các bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại. Buộc các bị cáo phải bồi thường dân sự một lần theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của người bị hại là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), ngoài tổng số tiền 165.000.000 đồng các bị cáo đã bồi thường trước khi mở phiên tòa. Kỳ phần cụ thể của mỗi bị cáo là: 83.333.300 đồng (Tám mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng)

- Về xử lý vật chứng:

+. Tịch thu, tiêu hủy 03 ống tuýp bằng kim loại kích thước như nhau, có chiều dài 70cm, đường kính 2,5cm, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

+. Tịch thu sung công 01 điện thoại cảm ứng Mobistar màu vàng mà Nguyễn Văn Bình dùng để liên lạc với Nguyễn Văn Đình khi đi lừa bắt anh Nguyễn Văn Trí;

+. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B 01 chiếc áo phông màu đen trắng; 01 áo khoác da màu đen;

+. Chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đô Lương 01 điện thoại Nokia màu đen chưa xác định được chủ sở hữu để xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đô Lương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tội phạm tẩu hãm nay bị cáo Hoàng Văn M, Nguyễn Văn B. Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đức Tr, Phan Văn H và Nguyễn Văn Tr · khai nhận hành vi phạm tội bắt người trái pháp luật của mình đúng như, o trình tự truy tố. Đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến gì về bản kết luận giám định pháp y sẽ 16 ngày 10/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Nghệ An kết luận về nguyên nhân chết của anh Nguyễn Văn T nhưng có quan điểm cho rằng các bị cáo phạm tội giết người.

Xét lời khai của các bị cáo, tội phạm tẩu hãm phù hợp với lời khai tội phạm quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của tội phạm vô, n nãn cả ã ã sẽ ã kết luận: Do nghi ngờ anh Nguyễn Văn T đã nhắn tin chửi, đe dọa ông Nguyễn Xuân T và trước đó anh Nguyễn Văn T đã dùng dao chém vào tay phải gây thương tích cho Hoàng Văn M. Khoảng 24 giờ 00 ngày 07/12/2016 tại khu vực Cầu Sỏi thuộc xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, bị cáo Hoàng Văn M đã nhờ các đối tượng Nguyễn Văn B, Nguyễn Đức Tr, Phan Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Tr tổ chức bắt anh Nguyễn Văn T mục đích để M buộc anh Nguyễn Văn T phải thừa nhận đã nhắn tin chửi, đe dọa ông Nguyễn Xuân T. Quá trình tổ chức bắt thì anh Nguyễn Văn T phát hiện được nên đã bỏ chạy xuống phía ruộng nước bên phải Cầu Sỏi, khi chạy đến Bàu Vấp thuộc xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương thì bị rơi xuống Bàu Vấp, Nguyễn Văn B, Nguyễn Đức Tr có bơi ra xuống cứu Nguyễn Văn T nhưng không cứu được, hậu quả Nguyễn Văn T bị ngạt nước chết.

Hành vi tổ chức bắt anh Nguyễn Văn T trái pháp luật xâm phạm thân thể của công dân của các bị cáo Hoàng Văn M, Nguyễn Văn B. Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đức Tr, Phan Văn H và Nguyễn Văn Tr đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt người trái pháp luật”. Hậu quả đã làm anh Nguyễn Văn T bị ngạt nước chết nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã truy tố các bị cáo theo khoản 3 Điều 123 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân, là một trong các quyền cơ bản của công dân được nhà nước bảo hộ, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Cách thức thực hiện hành vi ngang nhiên, coi thường pháp luật. Vì vậy, đối với các bị cáo

cần phải xét xử nghiêm tương xứng với hành vi, vai trò của của bị cáo trong vụ án mới có tác dụng giáo dục và ngăn ngừa chung đối với hiện tượng bắt, giữ người trái pháp luật đang có xu hướng gia tăng trên địa bàn.

Xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

- Đối với bị cáo Hoàng Văn M là người chủ mưu, khởi xướng và là người tổ chức phân công các bị cáo khác đi bắt Nguyễn Văn T. Bản thân bị cáo có 02 tiền án, 01 tiền sự nhưng không chịu khó cải tạo để trở thành người công dân tốt. Chỉ vì mâu thuẫn cá nhân và những nghi ngờ không có căn cứ, bị cáo đã tổ chức bắt anh Nguyễn Văn T gây hậu quả làm anh T chết, mặc dù đó là hậu quả bị cáo không mong muốn. Vì vậy, đối với bị cáo phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với vai trò chủ mưu, cầm đầu của bị cáo. Tại thời điểm phạm tội bị cáo có 01 tình tiết tăng là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 nhưng có 03 tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện khắc phục một phần hậu quả là 10.000.000 đồng cho người bị hại, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã khai báo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội đã ra đầu thú quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS nên cần xem xét, giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn B: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm tích cực trong việc bàn bạc kế hoạch, trực tiếp điện thoại lừa anh Nguyễn Văn T ra khỏi nhà, trực tiếp nói Nguyễn Văn Đ đi chở anh Nguyễn Văn T, trực tiếp đuổi bắt anh Nguyễn Văn T. Tại thời điểm phạm tội bị cáo có 01 tình tiết tăng là tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 nhưng có 03 tình tiết giảm nhẹ là: Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại được 30.000.000đồng, đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; Sau khi phạm tội đã ra đầu thú; có ông nội là Nguyễn Văn S được tặng Bằng khen vì có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Vì vậy cần xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, mức hình phạt thấp hơn bị cáo Hoàng Văn M là thỏa đáng.

- Đối với Nguyễn Đức Tr: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm, trực tiếp tham gia đuổi bắt anh Nguyễn Văn T ở cánh đồng dưới chân Cầu Sỏi cùng với bị cáo B. Hành vi trực tiếp đuổi bắt khiến người bị hại phải bỏ chạy và rơi xuống Bàu Vấp, mặc dù bị cáo là người nói và cùng với bị cáo B cùng nhảy xuống cứu người bị hại nhưng không cứu được và bị ngắt được người dân cứu sống. Vì vậy đối với bị cáo cũng phải xử lý nghiêm. Tại thời điểm phạm tội bị

cáo không có tình tiết tăng nặng nào và có 03 tình tiết giảm nhẹ là: Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại là 30.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; Sau khi phạm tội đã ra đầu thú; có ông nội là Nguyễn Đức X được tặng Bằng khen vì có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Vì vậy cần xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, mức hình phạt thấp hơn bị cáo Nguyễn Văn B là phù hợp.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức cho Hoàng Văn M và các bị cáo khác bằng việc đi đón anh Nguyễn Văn T đến chân Cầu Sỏi để các bị cáo khác bắt. Vì vậy đối với bị cáo cũng phải xử lý nghiêm. Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào và có 02 tình tiết giảm nhẹ là: Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại là 30.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; Sau khi phạm tội đã ra đầu thú; Vì vậy cần xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, mức hình phạt thấp hơn bị cáo Nguyễn Văn B và bằng với mức hình phạt của Nguyễn Đức Tr là hợp lý.

- Đối với bị cáo Phan Văn H: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức cho Hoàng Văn M và các bị cáo khác đi bắt anh Nguyễn Văn T. Vì vậy đối với bị cáo cũng phải xử lý nghiêm. Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào và có 03 tình tiết giảm nhẹ là: Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại là 30.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; Sau khi phạm tội đã ra đầu thú; có ông ngoại là Lê Văn Th được tặng Bằng khen vì có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Vì vậy cần xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, mức hình phạt thấp hơn bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Đức Tr là thỏa đáng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Tr: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm thấp nhất trong vụ án. Bị cáo không tham gia bàn bạc nhưng giúp sức bằng việc dùng xe máy của mình chở Nguyễn Văn B đi bắt anh Nguyễn Văn T. Vì vậy đối với bị cáo cũng phải xử lý nghiêm. Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào và có 03 tình tiết giảm nhẹ là: Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại nhiều nhất trong các bị cáo là 35.000.000

đồng, đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho bị cáo được hưởng án treo; Sau khi phạm tội đã ra đầu thú; tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An xác nhận. Vì vậy cần xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, mức hình phạt thấp hơn bị cáo Nguyễn Văn Đ. Bị cáo có nhân thân tốt, địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên chưa cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đồ rắn đe và giáo dục thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với các đối tượng Lê Văn C, Trương Văn D, Thái Hoàng Tr, Trần Hữu A và ông Nguyễn Xuân T quá trình điều tra không đủ căn cứ để xác định có hành vi đồng phạm với các bị cáo nên không đủ cơ sở để xử lý về hành vi bắt người trái pháp luật. Đối với Thái Hoàng Tr là người đi mua hồng phiến đưa cho bị cáo Bình tổ chức cho các bị cáo khác sử dụng nhưng chưa bị xử lý nên cần kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý Thái Hoàng Tr về hành vi này theo quy định.

Về dân sự: Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường các khoản sau:

*. Khoản 1: Chi phí mai táng

- Thuê người tìm kiếm thi thể nạn nhân: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)
- Mua quan tài: 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)
- Thuê xe tang chở từ Bàu Vấp Hiến Sơn về nghĩa trang: 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng)
- Khăn khâm lượm, bao đựng xác: 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)
- Tiền thuê đào huyệt, chôn cất, tắm rửa, vận chuyển xác, khâm lượm: 10.000.000đ (mười triệu đồng)

Tổng chi phí mai táng 27.700.000đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)

*. Khoản 2: Tiền yêu cầu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tình mạng bị xâm phạm của Nguyễn Văn T khi bị chết ngày 08/12/2016 cho đến lúc các con trưởng thành 18 tuổi gồm các cháu Nguyễn Ngọc Tr sinh ngày 25/10/2011, cháu Nguyễn Thị Minh A sinh ngày 18/8/2013, cháu Nguyễn Văn S sinh ngày 28/9/2016 một tháng là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Cụ thể:

- Cháu Nguyễn Ngọc Tr: 13 năm x 21.600.000đ = 280.800.000đ (Hai trăm tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng)

- Cháu Nguyễn Thị Minh A: 15 năm x 21.600.000đ = 324.000.000đ (Ba trăm hai mươi bốn triệu đồng)

- Cháu Nguyễn Văn S: 18 năm x 21.600.000đ = 388.800.000đ (Ba trăm tám mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng)

Tổng yêu cầu bồi thường cho khoản cấp dưỡng là: 992.000.000đ (Chín trăm chín mươi hai triệu đồng)

*. Khoản 3: Tiền đền bù tổn thất về tinh thần cho cha đẻ, mẹ đẻ, vợ và con đẻ: 60 tháng x 1.300.000đ/01 tháng = 78.000.000đ

* Tổng ba khoản yêu cầu các bị cáo đền bù là: 1.097.700.000đ (Một tỉ không trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng). Cho đến nay gia đình các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại được 165.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng). Số tiền đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bồi thường tiếp 932.700.000đ (Chín trăm ba mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Nếu các bị cáo bồi thường một lần thì đại diện người bị hại chỉ yêu cầu 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người bị hại và các bị cáo thống nhất thỏa thuận, ngoài số tiền 165.000.000 đồng mà các bị cáo đã bồi thường trước đó, các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại thêm 500.000.000đồng bao gồm tất cả các khoản phải bồi thường theo quy định, kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 83.333.300 đồng. Các bị cáo đều thống nhất không yêu cầu giải quyết phân chia kỷ phần của từng bị cáo đối với số tiền mà các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại trước đó nên HĐXX không xem xét. Việc thỏa thuận bồi thường dân sự giữa các bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, kh«ng vi ph¹m ®iòu c«m cñ luËt, kh«ng tr, i ®¹o ®øc x· héi nên cần chấp nhận buộc các bị cáo phải bồi thường tiếp cho người bị hại số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là: 83.333.300 đồng (Tám mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng)

- Về xử lý vật chứng:

+. Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội bị thu giữ gồm 03 ống tuýp bằng kim loại kích thước như nhau, có chiều dài 70cm, đường kính 2,5cm không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

+ . Tịch thu sung công 01 điện thoại cảm ứng Mobistar màu vàng mà Nguyễn Văn Bình dùng để liên lạc với Nguyễn Văn Đ khi đi lừa bắt anh Nguyễn Văn Trí;

+ . Đối với 01 chiếc áo phông màu đen trắng; 01 áo khoác da màu đen là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn B không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B.

+ . Đối với 01 điện thoại Nokia màu đen chưa xác định được chủ sở hữu, không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đô Lương xử lý theo quy định.

(Vật chứng đang được lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2018)

Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định.

Vx c, c lĩ tr^n,

Quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn M, Nguyễn Văn B, Nguyễn Khắc Tr, Phan Văn H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Tr phạm tội “Bắt nạt - êi tr, i ph, p luết”

- , p đông kho¶n 3 §iòu 123, @ióm b, p kho¶n 1, kho¶n 2 §iòu 46, @ióm g kho¶n 1 §iòu 48 BLHS xã ph¹t Hoàng Văn M 07 (Bảy) nãm tĩ. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 11/4/2017.

- , p đông kho¶n 3 §iòu 123, @ióm b, p kho¶n 1, kho¶n 2 §iòu 46, @ióm g kho¶n 1 §iòu 48 BLHS xã ph¹t Nguyễn Văn B 06 (Sáu) nãm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 11/4/2017.

- , p đông kho¶n 3 §iòu 123, @ióm b, p kho¶n 1, kho¶n 2 §iòu 46 BLHS xã ph¹t Nguyễn Văn S 05 (Năm) nãm tĩ. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/4/2017.

- , p đông kho¶n 3 §iòu 123, @ióm b, p kho¶n 1, kho¶n 2 §iòu 46 BLHS xã ph¹t Nguyễn Khắc Tr 05 (Năm) nãm tĩ. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 11/4/2017.

- , p đông kho¶n 3 §iòu 123, @ióm b, p kho¶n 1, kho¶n 2 §iòu 46 BLHS xã ph¹t Phan Văn H 04 (Bốn) nãm tĩ. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 11/4/2017.

- , p đông kho¶n 3 §iòu 123, @ióm b, p, q kho¶n 1, kho¶n 2 §iòu 46, Điều 60 BLHS xã ph¹t Nguyễn Văn Tr 03 (Ba) nãm tù, cho hưởng án treo, thời

gian thử thách 05 (Năm) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/01/2018)

Giao bị cáo Nguyễn Văn Tr cho UBND xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật thi hành án hình sự.

- Về đơn sù: , p đông §iòu 42 Bé luật hnh sù, §iòu 591 Bé luật đơn sù buộc các bị cáo phải bồi thường tiếp cho người bị hại tổng số tiền 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng), kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 83.333.300 đồng (Tám mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng).

Kó tổ nguy cả @-n yau cÇu thi hnh ,n của ng-êi @-íc thi hnh ,n (@èi víi c,c khoñn tiòn phñi trñ cho ng-êi @-íc thi hnh ,n) cho @ổn khi thi hnh xong tÊt cñ c,c khoñn tiòn, hng th,ng bñn phñi thi hnh ,n cñn phñi chñu khoñn tiòn l-i của sè tiòn cñn phñi thi hnh ,n theo mớc l-i suÊt quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 t-ng òng víi thêi gian ch-a thi hnh ,n.

Trong tr-êng hñp bñn ,n, quyôt @bñh @-íc thi hnh theo §iòu 2 Luật thi hnh ,n đơn sù, ng-êi phñi thi hnh ,n đơn sù cả quyền thoñ thuÊn thi hnh ,n, quyền yau cÇu thi hnh ,n, tù nguyõn thi hnh ,n hoÆc bñ c-ìng chổ thi hnh ,n theo quy @bñh tñi c,c §iòu 6, 7 vñ §iòu 9 Luật thi hnh ,n đơn sù; thêi hiõu thi hnh ,n @-íc thúc hiõn theo quy @bñh tñi §iòu 30 Luật thi hnh ,n đơn sù

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+. Tịch thu, tiêu hủy 03 ống tuýp bằng kim loại kích thước như nhau, có chiều dài 70cm, đường kính 2,5cm;

+. Tịch thu sung công 01 điện thoại cảm ứng Mobistar màu vàng mà Nguyễn Văn Bình dùng để liên lạc với Nguyễn Văn Đình khi đi lừa bắt anh Nguyễn Văn Trí;

+. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B 01 chiếc áo phông màu đen trắng; 01 áo khoác da màu đen là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn B không liên quan đến việc phạm tội.

+. Chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đô Lương 01 điện thoại Nokia màu đen chưa xác định được chủ sở hữu, không phải là công cụ, phương tiện phạm tội để xử lý theo quy định.

(Vật chứng đang được lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2018)

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự buộc các bị cáo Hoàng Văn M, Nguyễn Văn B, Nguyễn Quốc Tr, Phan Văn H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.166.500 đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự. Tổng số tiền án phí mỗi bị cáo phải chịu trong vụ án là 4.366.500 đồng (Bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng)

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi mua hồng phiếu và đưa cho bị cáo Nguyễn Văn B và các bị cáo khác sử dụng của Thái Hoàng Tr theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, đại diện người bị hại;
- VKSND H. S« L - ñng;
- Cơ quan CSST CA H. S« L - ñng;
- Chi cục THA dân sự H. S« L - ñng;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

**Tm. héi ®ảng xĐt xö s- t hỀm
t hỀm ph , n - chñ to¹ phi^a n toµ**

TrÇn Văn A